

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ
(Cung cấp dịch vụ xử lý chuột năm 2026 - 2027)

Bệnh viện Nhân dân Gia Định có nhu cầu được cung cấp dịch vụ xử lý chuột năm 2026 – 2027 như trong phụ lục đính kèm (phụ lục ngày 17 tháng 03 năm 2026), kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp báo giá theo mẫu báo giá đính kèm.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày nhận được yêu cầu báo giá đến 10 giờ 00 ngày 24 tháng 03 năm 2026.

Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày ký.

Quý Công ty tham gia báo giá bỏ vào bao thư niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ tên công ty và gửi trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh đến phòng Hành Chính Quản Trị - Bệnh viện Nhân dân Gia Định số 01 Nơ Trang Long, Phường Gia Định TP.HCM, đồng thời gửi bản Scan có đóng dấu gửi email bv.ndgiadinh@tphcm.gov.vn

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT.

→



Nguyễn Hoàng Hải



PHẠM VI CUNG CẤP

Gói thầu: “Cung cấp dịch vụ xử lý chuột năm 2026 – 2027”

(Đính kèm thông báo mời báo giá ngày ..17.. tháng ..03.. năm 2026)

I. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Tên gói thầu: “Cung cấp dịch vụ xử lý chuột năm 2026 – 2027”
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Nhân dân Gia Định
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, nguồn thu hợp pháp khác
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I-II/2026
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

II. Mục tiêu công việc:

- Cung cấp trọn gói dịch vụ xử lý chuột năm 2026 – 2027, đảm bảo vệ sinh môi trường, ngăn ngừa việc xâm hại, bảo vệ sức khỏe con người và cơ sở vật chất.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

1. Khu vực công cộng trong khuôn viên bệnh viện:

1.1. Phần 1: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 1, địa chỉ 01 Nơ Trang Long, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh: 11.505 m²

1.2. Phần 2: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 2, địa chỉ 125 Lê Lợi, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh: 1.357,98 m²

1.3. Yêu cầu chung Phần 1 và Phần 2:

- Tất cả các sân vườn
- Khu vực các nhà vệ sinh công cộng phục vụ người bệnh và thân nhân trong khuôn viên bệnh viện;
- Sân & bãi đậu xe 4 bánh, bãi xe 2 bánh dành cho nhân viên
- Khu nhà chờ thân nhân bệnh nhân
- Các lối đi, hành lang, kho bãi trong khuôn viên bệnh viện.
- Trạm xử lý nước thải

- Khu vực Sino, mái bằng toàn bệnh viện

2. Khu vực các khoa lâm sàng, cận lâm sàng và các phòng chức năng:

2.1. Phần 1: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 1, địa chỉ 01 Nơ Trang Long, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh: 29.990,1 m²

Bảng: Diện tích các khu vực trong bệnh viện

STT	KHU VỰC		DIỆN TÍCH
I	KHU A		2.400 m²
1	Tầng trệt	Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp Phòng Tổ chức Cán Bộ Phòng Hành Chính Quản Trị Phòng Tài Chính Kế Toán Phòng Quản Lý Chất Lượng Phòng Công Tác Xã Hội Văn thư Sảnh chính Khu khám Chuyên gia Nhà thuốc bệnh viện Quầy bảo lãnh viện phí Quầy nhận bệnh dịch vụ Khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh (Siêu âm, X-Quang nội trú, CT, RFA, MRI, Đo loãng xương)	1.200 m²
2	Lầu 1	Văn phòng Ban Giám đốc Hội trường A, B, Thư viện.	1.200 m²

		Phòng Điều dưỡng Phòng Công Nghệ Thông Tin Trục Lãnh đạo Trục Hành chính Phòng họp 01 Phòng Hội đồng đạo đức Phòng Tiếp dân Phòng làm việc chuyên gia Kho Hành Chính Quản lý dự án	
II	KHU B		4.186,1 m²
1	Tầng trệt	Siêu âm Quầy trực tài vụ Phòng chăm thầu VTTBYT Phòng Chỉ Đạo Tuyến Tổ Thẩm định Phòng Bác sĩ X-Quang can thiệp	677,22 m ²
2	Lầu 1	Ngoại Niệu	877,22 m ²
3	Lầu 2	Ngoại Lòng ngực mạch máu	877,22 m ²
4	Lầu 3	Nội Cơ Xương Khớp Y học cổ truyền	877,22 m ²
5	Lầu 4	Gây mê hồi sức	877,22 m ²
III	KHU C (Khu nhà chữ H)		10.940 m²

		Hồi sức tích cực chống độc Sân Bệnh Sân Phụ khoa	
1	Tầng trệt	Lão khoa Phòng Vật tư thiết bị y tế Trực Dược Siêu Âm Tim Siêu âm Cấp cứu – Nội trú 1 Siêu âm Cấp cứu – Nội trú 2 Các phòng bệnh VIP: 1 + 2 + 3 + 4	2.945 m ²
		Khoa Hồi sức tim mạch Ngoại Tiêu Hoá	
2	Lầu 1	Ngoại Chấn Thương Chỉnh Hình Ngoại Gan – Mật – Tụy Sản thường Lọc máu Các phòng bệnh VIP: 5 + 6 + 7 + 8 Khu Sinh viên	2.945 m ²
3	Lầu 2	Nội Tim Mạch Nội Tiêu Hoá Nội Tiết Thận Nội Thần Kinh	2.525 m ²
4	Lầu 3	Khoa Nhi	2.525 m ²

		Ngoại Thân Kinh Bệnh Lý Sơ Sinh Nội Hô Hấp Phòng bệnh VIP 9	
IV	KHU D (Khu Khám – Cấp cứu)		8.364 m²
1	Tầng trệt	Khoa Sản Sinh Hoá Huyết Học Quầy nhận bệnh Quầy thu viện phí Quầy phát thuốc Bảo hiểm y tế Cấp cứu – Cấp cứu sản Phòng khám 303 – Xét nghiệm nhanh Phòng chụp X-Quang Nhà vệ sinh công cộng	2.091 m ²
2	Lầu 1	Toàn bộ các phòng khám Nội Toàn bộ các phòng khám Sản – Nhi Phòng đo chức năng hô hấp Đo điện tim Khu E (Khu Khám dịch vụ) Vi sinh Chụp X-Quang – Siêu âm dịch vụ Quầy phát thuốc không bảo hiểm Quầy thu viện phí	2.091 m ²

		Phòng hành chính Khoa Khám Nhà vệ sinh công cộng Nhà vệ sinh nhân viên	
3	Lầu 2	Khoa Tổng hợp Toàn bộ các phòng khám Ngoại Phòng Tiêu phẫu Siêu âm Chuyên khoa Mắt Chuyên khoa Tai Mũi Họng Chuyên khoa Răng Hàm Mặt Phục hồi chức năng Quầy thu viện phí Phòng nhân viên Nhà vệ sinh công cộng Nhà vệ sinh nhân viên	2.091 m ²
4	Lầu 3	Gây Mê Hồi Súc (Phòng mổ - Hồi sức ngoại) Phẫu Thuật Tim Thăm Dò Chức Năng Hồ Sơ Y Lý	2.091 m ²
V	KHU F		800 m²
1	Tầng trệt	Tim Mạch Can Thiệp Tổ Bảo vệ Cổng Nơ Trang Long	

		Tổ Bảo vệ Phan Đăng Lưu Trạm xử lý nước thải	
V	KHU G		2.000 m²
1	Tầng trệt	Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn Cấp phát Dược Khoa Dinh Dưỡng Kho Hành Chính Nhà vận hành kỹ thuật Nhà May giặt	
VI	KHU L		1.000 m²
		Khoa Giải Phẫu Bệnh Dược chính Công xa	
VII	KHU K		300 m²
1	Tầng trệt	Nhà Vĩnh Biệt Nhà lưu giữ rác thải	

2.2. Phần 2: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 2, địa chỉ 125 Lê Lợi, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh: 5.595,22 m²

Bảng: Diện tích các khu vực trong bệnh viện

Stt	KHU VỰC		DIỆN TÍCH
I	Khu A		<u>1.260,19 m²</u>
1	Trệt A Khoa CCHS	Khoa Cấp cứu hồi sức Phòng Siêu âm (Cấp cứu) Tiểu phẫu	548,56 m ²

		Điều trị trong ngày Phòng trực CCNV Nhà vệ sinh Phòng trực BS	
		Phòng trực ĐD Phòng Nội soi 1 + 2 Phòng Siêu âm 1 +2 Phòng X- Quang Phòng CT - Scan Phòng Đo loãng xương Phòng BS Phó khoa CCHS Phòng bó bột Nhà vệ sinh	
2	Lầu 1 PTGMHS	P MỔ 1 P MỔ 2 P MỔ 3 P MỔ 4 P MỔ 5 Phòng Tiểu phẫu 1 Phòng Tiểu phẫu 2 Phòng Đo Điện cơ Phòng tiểu phẫu, siêu âm mắt Nhà vệ sinh Phòng BS trực khoa CTCH-bỏng	279,94 m ²
3	Lầu 2 Khoa nội	Nhà vệ sinh nhân viên Phòng 201 Phòng 202 + 203 Khoa Dinh dưỡng Nhà vệ sinh Phòng BSTK CTCH-Bỏng	187,93 m ²

		Hành chính khoa nội Phòng BS khám bệnh Phòng ĐD + Hộ lý Phòng BS Nam Phòng BS Nữ Phòng BSTK nội	
4	Lầu 3 Khôi hành chính	Phòng máy chủ Sever (CNTT) Phòng TP.TCKT Phòng Phó Giám đốc 1 Phòng Phó Giám đốc 2 Phòng TCKT 1 Phòng TCKT 2 Phòng Thư viện điện tử Hội trường C Phòng TP.HCQT Phòng Phó Giám đốc 2	243,76 m ²
II	Khu B		<u>1.002,60 m²</u>
1	Trệt Khám bệnh	Đại lý thuốc P1 Đo Hô hấp khi P2 Khám nhi P3 Khám CTCH-bỏng P4 Khám Da liễu P5 Khám ngoại P6 Khám YHCT, cây chỉ P7 Đo điện tim P8. Hành chính khoa KB P9 Khám ngoại P10 Khám Nội P11 Khám vệ tinh P12 Khám vệ tinh	607,22 m ²

		P14 Khám nội P15 Khám sản	
		Phòng trực điều dưỡng P.phòng răng	
2	Lầu 1- Khám	P.phòng TMH P.phòng mắt	179,82 m ²
	LCK	Phòng HS BA Kho VTYT Phòng HC khoa KB (củ)	
3	Lầu 2- Khoa nội	Kho chứa đồ (P202) Phòng 204 Phòng 205 Phòng 206 Nhà vệ sinh Phòng 207 Phòng 208 Phòng 209 Phòng 210 Phòng 211 Phòng trực điều dưỡng	215,56 m ²
III	Khu C		<u>822,54 m²</u>
1	Tầng trệt	Khu khám bệnh dịch vụ 86,4 Khoa Hồi sức tích cực (ICU) 66,6 m ² Hành lang + Nhà xe nhân viên (80 m ²)	420,60 m ²
2	Lầu 1 Khoa GMHS	Phòng Hậu phẫu 1 Phòng Hậu phẫu 2 Phòng bệnh DV 1 Phòng bệnh DV 2 Phòng bệnh DV 3	179,10 m ²
3	Lầu 2 Khoa	Phòng trực điều dưỡng	222,84 m ²

	CTCH- Bồng	Phòng hành chính khoa CTCH- Bồng P2 Bệnh nhân nam P3 Bệnh nhân nam P4 Bệnh nhân nữ Phòng Điều dưỡng TK CTCH- bồng Nhà vệ sinh P6 Bệnh nhân dịch vụ P5 Bệnh nhân dịch vụ P1 Bệnh nhân dịch vụ Phòng Tiêm khớp Phòng Trực BS khoa CCTCH- Bồng	
IV	Khu D		<u>322,24 m²</u>
1	Tầng trệt	Phòng KSK Tổng quát Phòng TMH- Mắt Phòng SA Phòng XN Hành lang	132,27 m ²
2	Lầu 1	Phòng BN 1 Phòng BN 2 Phòng BN 3 Phòng BN 4 Phòng BN 5 Phòng BN 6 Phòng BN 7 Phòng BN 8 Hành lang	189,97 m ²
V	Khu E		<u>1.033,70 m²</u>

1	Tầng trệt	Khoa xét nghiệm Phòng TP TCCB Kho dược chính – Kho VTTB Tổ Bảo trì	373,61 m ²
		Kho Văn phòng phẩm Phòng đóng gói giặt ủi	
2	Lầu 1	Hành chính khoa ngoại Phòng bệnh nhân 101 Phòng bệnh nhân 101 Phòng bệnh nhân 101 Phòng bệnh nhân 101 Phòng bệnh nhân 101 Kho chứa đồ khoa ngoại Phòng BSTK ngoại Phòng BS trực ngoại Phòng trực điều dưỡng	380,86 m ²
		Phòng trực hành chính khoa xét nghiệm Phòng TCCB 1 Phòng TCCB 2 Phòng Hành chính điều dưỡng	
3	Lầu 2	Phòng Giám đốc Hội trường B Kho Tài sản HCQT Hội trường A + khu vực thiết bị âm thanh Nhà vệ sinh nam/ nữ	279,23 m ²
VI	Khu F		<u>549,93 m²</u>
1	Tầng Trệt	Căn tin (130 m ²) Phòng sinh học phân tử (34,56 m ²) Nhà Đại thể (132,25 m ²)	218,56 m ²

		Nhà may Phòng giao nhận đồ vải sạch Nhà vệ sinh nam/ nữ Phòng thay đồ nam/ nữ Phòng nhận dụng cụ dơ	
		Khoa dược Phòng TK dược Phòng TP VTTB	
2	Lầu 1	Phòng VTTB Phòng HCQT Phòng CNTT Tổ Lái xe Tổng đài	296,81 m ²
3	Tầng 2	Kho lưu trữ hồ sơ (34,56 m ²) Khoa lưu trữ HSBA (132,25 m ²)	34,56 m ²
VII	Khu H		<u>604,02 m²</u>
1	Trệt	Phòng Hành chính khoa YHCT Phòng bệnh YHCT Phòng Thanh trùng Phòng công tác chuyên môn KSNK	302,01 m ²
2	Tầng 1	Phòng Văn thư Phòng KHTH 1 Phòng KHTH 2 Phòng TP KHTH Phòng TK KSNK Phòng ĐDT Bệnh viện Phòng TK xét nghiệm Phòng TK YHCT Nhà vệ sinh	302,01 m ²

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1. Phần 1: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 1, địa chỉ 01 Nơ Trang Long, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh: 41.495,1 m²

3.2. Phần 2: Cung cấp dịch vụ xử lý chuột tại cơ sở 2, địa chỉ 125 Lê Lợi, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh: 6.953,2 m²

3.3. Yêu cầu chung Phần 1 và Phần 2:

3.3.1. Phương pháp xử lý:

- Xác định vị trí đặt bẫy dính và hộp đựng bả chuột mỗi dẫn dụ vào các khu vực, để bắt chuột, xử lý chuột chết, kết hợp sử dụng môi vi sinh cho toàn bộ khu vực bên ngoài để tiêu diệt chuột.

- Tìm kiếm các vị trí chuột làm tổ, làm hang, tiến hành rắc bả trực tiếp vào bên trong hang.

- Lắp các trạm bả, bẫy tại các vị trí phát hiện có chuột chạy hoặc các vị trí chuột thường xuất hiện.

- Sử dụng kết hợp các loại bẫy đặt trên trần nhà, trần hành lang, bên trong các trục kỹ thuật.

- Đặt bẫy keo chuột khu vực phát sinh bên trong.

- Tần suất xử lý:

+ Xử lý chuột: 04 lần/tháng

+ Trong trường hợp đột xuất cần xử lý chuột: khi có yêu cầu của bệnh viện thì nhà thầu sẽ có mặt trong vòng 4 giờ kể từ lúc nhận được thông báo, đồng thời đưa ra các biện pháp xử lý cần thiết trong vòng 24h tiếp theo, kể cả ngày nghỉ và các ngày Lễ, Tết.

3.3.2. Yêu cầu về nhân sự:

- Nhân sự được đào tạo huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ diệt chuột và an toàn lao động, có tác phong lịch sự, có tinh thần hợp tác tốt, đồng phục gọn gàng, có trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

- Có tác phong lịch sự, có tinh thần hợp tác tốt, đồng phục gọn gàng, có trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động.

- Tuân thủ các nội quy, quy định khi vào làm việc tại Bệnh viện.

3.3.3. Yêu cầu về thiết bị, dụng cụ:

- Sử dụng hộp đựng bả chuột, bẫy chuột loại chuyên dụng, có kích thước nhỏ gọn tiện lợi, dễ sử dụng và có thể đặt ở bất kỳ địa hình nào mà chuột thường xuyên xuất hiện.

- Sử dụng keo dính chuột có độ dính cao.

- Khi đặt bẫy chuột, keo dính phải tránh nơi có con người qua lại và phải có biển báo an toàn tại nơi đặt bẫy.

3.3.4. Yêu cầu về chế phẩm, hóa chất:

- Chế phẩm, hóa chất diệt chuột có số đăng ký lưu hành sản phẩm còn hiệu lực theo Thông tư số 11/2020/TT-BYT ngày 19/06/2020 của Bộ Y tế về Ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế hoặc Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Chế phẩm, hóa chất diệt chuột, không ảnh hưởng đến sức khỏe con người, hàng hóa và môi trường.

- Nhà thầu cung cấp danh mục chế phẩm, hóa chất, gồm xuất xứ, nhãn mác sản phẩm, số lượng, mô tả hàng hóa trong quá trình thực hiện dịch vụ.

- Trong quá trình thực hiện dịch vụ nếu hóa chất, chế phẩm sử dụng gây mùi khó chịu, không đạt hiệu quả thì thay thế loại hóa chất, chế phẩm khác đáp ứng yêu cầu.

Bảng số 03: Danh mục Chế phẩm, hóa chất

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Xuất xứ (Nước sản xuất)	Nhà sản xuất	Mô tả công dụng sản phẩm	Đăng ký lưu hành (nếu có)
1	

3.3.5. Yêu cầu khác

- Không để các hóa chất, nhiên liệu dễ cháy, nổ bên trong Bệnh viện.
- Tuyệt đối chấp hành nghiêm tất cả các yêu cầu về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy trong quá trình làm việc tại Bệnh viện.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Bệnh viện và Pháp luật về chất lượng dịch vụ: bồi thường những thiệt hại do nguyên nhân của nhà thầu (sử dụng hoá chất, công cụ sử dụng không rõ nguồn gốc...) gây ảnh hưởng đến tài sản, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây hại cho uy tín và danh tiếng của bệnh viện. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trong bất cứ tai nạn nào liên quan đến quá trình làm việc.
- Bố trí nhân viên chuyên trách tư vấn thông qua hotline các vấn đề thực hiện cho Bệnh viện.
- Trong quá trình thực hiện dịch vụ nếu hoá chất, chế phẩm sử dụng gây mùi khó chịu, không đạt hiệu quả thì thay thế loại hoá chất, chế phẩm khác đáp ứng yêu cầu.
- Giữ gìn vệ sinh môi trường và thu dọn sạch sẽ chất thải rơi vãi sau mỗi lần thực hiện công việc tại bệnh viện.
- Sau khi đặt keo dính, bẫy bả chuột thì phải thực hiện kiểm tra và thu gom vào các ngày liền sau đó.
- Chuyển các loài sinh vật có thể xâm hại hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh ra bên ngoài khuôn viên Bệnh viện.

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Đơn vị (Người sản xuất)	Ngày sản xuất	Mô tả công dụng sản phẩm	Thời kỳ hạn hành (nếu có)